

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HS-ST

Ngày: 19 – 8 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Bé Ngọc

Bà Nguyễn Thị Tua

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phương Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tạo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Văn N, sinh năm: 1980; Tên gọi khác: Không có; Nơi thường trú: ấp T, xã V, huyện Q, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn G và bà Nguyễn Thị Thu V; Có vợ Lê Thị L; Có 02 người con (Lớn nhất sinh năm: 2006; nhỏ nhất sinh năm 2010); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 19/8/2020, bị cáo tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Chị Lê Thị L, sinh năm: 1978.

Nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện Q, tỉnh Hậu Giang (vợ bị cáo), (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Trần Văn Đ – Luật sư – Văn Phòng Luật sư X thuộc đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Bị hại: Ông Bùi Văn G1, sinh năm: 1951.

Nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện Q, tỉnh Hậu Giang (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Bùi Văn G, sinh năm: 1956.

Nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện Q, tỉnh Hậu Giang (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Ông Bùi Văn M, sinh năm: 1963.

Nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện Q, tỉnh Hậu Giang (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

3. Anh Bùi Văn T, sinh năm: 1979.

Nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện Q, tỉnh Hậu Giang (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ, ngày 11/11/2019, Bùi Văn N sau khi đi nhậu về nhà thuộc ấp T, xã V, huyện Q, tỉnh Hậu Giang gặp vợ là chị Lê Thị L thì N có lớn tiếng chửi. Lúc này, ông Bùi Văn G1 và ông Bùi Văn M nhà ở gần đi qua khuynh ngăn. Vì N ở chung nhà với bà nội là mẹ ruột ông G1, ông G1 nói “*Thôi Nội già rồi, để cho Nội ngủ*”, N không trả lời nên ông G1 và ông M đi về nhà. Khoảng 10 phút sau nghe tiếng N chửi lớn tiếng nên ông G1 quay lại nói tiếp “*Mỗi lần đi nhậu về là quậy không để cho ai nghỉ gì hết, không xem pháp luật ra gì*”. Nói xong ông G1 bỏ đi ra phía ngoài lộ, N tức giận và đi theo, ông G1 nghe tiếng bước chân từ phía sau lưng nên quay người lại thì đầu của N đụng trúng vào mặt của ông G1 (vùng mắt phải) làm ông G1 té nằm ngửa trên đất. N tiếp tục nhảy đè lên trên người ông G1 và dùng răng cắn vào phần mũi làm đứt lìa cánh mũi phải của ông G1. Lúc này, ông G1 la lên nên được mọi người can ngăn và đưa ông G1 đi đến Bệnh viện huyện Vị Thủy cấp cứu và đến ngày 13/11/2019 thì được chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy thành phố Hồ Chí Minh điều trị, ngày 13/12/2019 thì ông G1 ra viện.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 21/20/TgT ngày 19/02/2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Hậu Giang đối với Bùi Văn G1 đã kết luận:

“1. Dấu hiệu chính tại thời điểm giám định: Vết thương mắt cánh mũi phải đã phẫu thuật tạo hình, ảnh hưởng chức năng hô hấp. Đa sẹo vết phẫu thuật.

2. Kết luận:

2.1 Tổng tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe hiện tại TT số 22/2019/TT-BYT là 30% (ba mươi phần trăm).

2.2 Vật gây thương tích cánh mũi phải: Do vật cùn gây nên”.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 126/2020/KLGD ngày 16/6/2020 của Trung tâm pháp y tâm thần Tây Nam Bộ thuộc Bộ Y tế đối với Bùi Văn N đã kết luận:

“1. Kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại: Đương sự có bệnh lý tâm thần: Rối loạn nhân cách, hành vi do sử dụng rượu (F10.71-ICD10).

- Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần.

2. Ý kiến khác: Không”.

- Tại công văn số 126.0/PYTT ngày 16/6/2020 của Trung tâm pháp y tâm thần Tây Nam Bộ thuộc Bộ Y tế đã giải thích về bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số: 126/2020/KLGD ngày 16/6/2020 đối với Bùi Văn N như sau: “Về năng lực trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Đương sự có năng lực trách nhiệm hình sự”.

Vật chứng vụ án: Không thu giữ.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Bùi Văn G1 không yêu cầu giải quyết mà để hai gia đình tự thỏa thuận. Tuy nhiên, ngày 23/4/2020 chị Lê Thị L (vợ bị cáo N) vẫn tự nguyện đăng nộp cho Cơ quan CSĐT số tiền là 1.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKS-HVT, ngày 20/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang quyết định truy tố bị cáo Bùi Văn N có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy,

tỉnh Hậu Giang để xét xử về “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang giữ nguyên Quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Văn N phạm “Tội cố ý gây thương tích” và áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, q khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Tách phần yêu cầu bồi thường của ông Bùi Văn G1 đối với bị cáo Bùi Văn N thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu; Trả lại cho chị Lê Thị L 1.000.000 đồng.

Về vật chứng: Không thu giữ.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn N thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Chị Lê Thị L là người đại diện hợp pháp của bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo luật sư Trần Văn Đ thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ mà Đại diện viện kiểm sát đã áp dụng cho bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt dưới khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa,

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vị Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, Kiểm sát viên đã

thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, bị hại và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, đối với bị hại Bùi Văn G1 có yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra đã cung cấp lời khai thể hiện ý kiến về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự; các người làm chứng Bùi Văn G, Bùi Văn M, Bùi Văn T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố các đương sự đã cung cấp lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra truy tố, bị cáo Bùi Văn N thừa nhận vào đêm ngày 11/11/2019, sau khi bị cáo đi uống rượu về nhà thì có hành vi lớn tiếng ảnh hưởng đến mọi người xung quanh, được ông Bùi Văn G1 và ông Bùi Văn M nhắc nhở, khuyên ngăn. Bị cáo không sửa đổi, trái lại bị cáo có thái độ hung hăng, côn đồ, xem thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi gây thương tích cho ông Bùi Văn G1, nên sau khi ông Bùi Văn G1 từ nhà bị cáo ra về, bị cáo đã đi theo, cố ý gây hấn, dẫn đến xô xát, đánh nhau, bị cáo đã dùng răng cắn vào phần mũi làm đứt lìa cánh mũi phải của ông G1. Đối chiếu lời khai của bị cáo với lời khai bị hại, các người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị cáo là người gây thương tích cho bị hại ông Bùi Văn G1.

[4] Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 21/20/TgT ngày 19/02/2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Hậu Giang đối với Bùi Văn G1 đã kết luận: *“1. Dấu hiệu chính tại thời điểm giám định: Vết thương mất cánh mũi phải đã phẫu thuật tạo hình, ảnh hưởng chức năng hô hấp. Đa sẹo vết phẫu thuật; 2. Kết luận: 2.1 Tổng tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe hiện tại TT số 22/2019/TT-BYT là 30% (ba mươi phần trăm). 2.2 Vật gây thương tích cánh mũi phải: Do vật cùn gây nên”*; Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 126/2020/KLGD ngày 16/6/2020 của Trung tâm pháp y tâm thần Tây Nam Bộ thuộc Bộ Y tế đối với Bùi Văn N đã kết luận: *Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại: Đương sự có bệnh lý tâm thần: Rối loạn nhân cách, hành vi do sử dụng rượu (F10.71-ICD10). Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều*

khuyến hành vi do bệnh lý tâm thần. Tại công văn số 126.0/PYTT ngày 16/6/2020 của Trung tâm pháp y tâm thần Tây Nam Bộ thuộc Bộ Y tế đã giải thích về bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 126/2020/KLGĐ ngày 16/6/2020 đối với Bùi Văn N như sau: “Về năng lực trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Đương sự có năng lực trách nhiệm hình sự”.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm phạm tội bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức do sử dụng rượu. Tại Điều 13 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định “*Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự*”. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của bị cáo gây ra. Với tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe bị cáo gây ra cho bị hại Bùi Văn G1 là 30%, hành vi của bị cáo thể hiện có tính chất côn đồ và tại thời điểm phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để truy tố bị cáo và đề nghị xét xử bị cáo về tội Cố ý gây thương tích là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Văn N thực hiện hành vi phạm tội nhưng hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi thực hiện hành vi phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn, khai báo có mức độ; bị cáo tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng; tại thời điểm phạm tội bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức; bị hại là ông Bùi Văn G1 có đơn bãi nại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận. Tại phiên tòa bị cáo khai gia đình bị cáo có công với cách mạng nhưng bị cáo không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

[8.1] Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi sử dụng rượu của bị cáo đã nhiều lần được ông G1, ông M và chính quyền địa phương khuyên ngăn, giáo dục. Đáng lẽ ra khi được ông Bùi Văn G1 và ông Bùi Văn M nhắc nhở, bị cáo phải biết được hành vi của mình là sai trái, bị cáo phải biết kiềm chế, có hành vi, thái độ cư xử đúng mực, đúng quy định của pháp luật. Trái lại, với bản tính côn đồ, xem thường pháp luật, bị cáo có hành vi gây thương tích cho ông Bùi Văn G1, hành vi của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của ông Bùi Văn G1 được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất tình hình trị an tại địa phương. Do đó, việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8.2] Đối với việc người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt mức án dưới khung hình phạt là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trong thời gian bị cáo tại ngoại bị cáo tiếp tục có hành vi dùng dao gây thương tích cho người khác bị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiếp nhận để xử lý theo quy định của pháp luật. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo việc xử dưới khung hình phạt, không đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung nên không có cơ sở xem xét áp dụng cho bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

[9.1] Trong quá trình điều tra truy tố, bị hại chưa yêu cầu giải quyết mà để tự thỏa thuận với gia đình bị cáo. Xét thấy, việc chưa yêu cầu phân trách nhiệm dân sự của ông Bùi Văn G1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi đương sự có yêu cầu.

[9.2] Đối với số tiền 1.000.000 đồng chị Lê Thị L đã nộp thay bị cáo để bồi thường. Tuy nhiên, việc bồi thường trong quá trình điều tra ông Bùi Văn G1 yêu cầu được thỏa thuận với phía bị cáo và chưa giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử trả lại cho chị Lê Thị L.

[10] Về vật chứng: Không thu giữ.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 30; Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn N phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Trả lại cho chị Lê Thị L số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) theo biên bản giao nhận ngày 21/7/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang; Tách phần yêu cầu bồi thường của ông Bùi Văn G1 đối với bị cáo Bùi Văn N thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về vật chứng: Không thu giữ.

[4] Về án phí: Bị cáo Bùi Văn N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại ủy ban nhân dân xã, phường nơi người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang (1b);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (1b);
- Sở TP tỉnh HG (1b);
- VKSND H.Vị Thủy (1b);
- Công an H.Vị Thủy (1b);
- CCTHADS H.Vị Thủy (1b);
- Bị cáo (1b);
- 1 bị hại (1b);
- Lưu HSVA; VP.

Lư Trường Tây

